TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13- ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:43/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 10/9/2025
V/v "*Tranh chấp ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13- ĐẮK LẮK

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Sơn
Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Ông Lương Công Trình
2/ Bà Huỳnh Thị Minh Hải

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Thoang- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13- Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13- Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Tuyết Nhi- Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13- Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2024 về *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28A/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự;

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Lê H, sinh năm 1984
Trú tại: Thôn Đ, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên (Nay thuộc khu phố Đ, phường T, tỉnh Đắk Lắk); Có mặt tại phiên tòa;
- Bị đơn: Chị Trần Thị Huyền T, sinh năm 1994; Trú tại: Thôn Đ, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên (Nay thuộc Khu phố Đ, phường T, tỉnh Đắk Lắk); C ở hiện nay: Thôn B, phường H, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt tại phiên tòa;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/5/2024, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Lê H trình bày: Vào năm 2015, anh H và chị Trần Thị Huyền T kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên (nay là phường T, tỉnh Đắk Lắk), hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống bình thường, tuy nhiên được một thời gian, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn lý do tính tình không còn phù hợp nên vợ chồng sống ly thân, trong thời gian đó chị T có quan hệ ngoại tình với người khác và làm giấy tờ ly hôn giả nên anh H không thể nào tiếp tục cuộc hôn nhân. Vì vậy, anh H làm đơn yêu cầu Tòa giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Nguyễn Trần Hải Đ, sinh ngày 10/6/2021, hiện nay đang ở với chị T. Ly hôn, anh H đồng ý giao cho chị T nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ, thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 9/2025.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Trần Thị Huyền T trình bày: Chị T và anh Nguyễn Lê H, đăng ký kết hôn hôn năm 2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường, đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn, không có tiếng nói chung. Nay anh H yêu cầu ly hôn thì chị T đồng ý. Về con chung tên Nguyễn Trần Hải Đ, sinh ngày 10/6/2021, chị T xin được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 13- Đắk Lắk) nhiều lần triệu tập hợp lệ chị T và mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị T vắng mặt, anh H xin không tham gia hòa giải và Tòa án đã tiến hành lập biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nêu quan điểm giải quyết vụ án; Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn, cho anh Nguyễn Lê H được ly hôn với chị Trần Thị Huyền T; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trần Hải Đ, sinh ngày 10/6/2021 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ, thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 9/2025 nên đề nghị Tòa ghi nhận. Về tài sản chung: Anh H và chị T không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Tòa không xét. Về án phí nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Trần Thị Huyền T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên toà nhưng đều vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Lê H và chị Trần Thị Huyền T tự nguyện tìm hiểu kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên (nay là phường T, tỉnh Đắk Lắk) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2016 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H trình bày trong thời gian anh H và chị T ly thân thì chị T có làm giả Quyết định ly hôn giữa anh H và chị T, anh H có cung cấp Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 38/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16/4/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 11- Đắk Lắk). Tuy nhiên, theo Công văn ngày 06/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa (cũ) đã trả lời không thụ lý, giải quyết và ban hành Quyết định công nhận thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn Trần Thị Huyền T và bị đơn Nguyễn Lê Hoài . Do vụ án có dấu hiệu tội phạm về việc "Làm giả, sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" nên Tòa án đã chuyển hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền xử lý. Theo Bản kết thúc điều tra nguồn tin tội phạm của Cơ quan cảnh sát điều tra- Công an huyện P (cũ) đã kết thúc điều tra vì không có hành vi phạm tội và ra Quyết định không khởi tố hình sự đối với vụ việc nêu trên và Viện Kiểm sát nhân dân huyện P (cũ) thống nhất nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án ly hôn giữa anh H và chị T.

Tại phiên tòa, anh H giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, lý do vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và không còn sống chung với nhau. Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 13- Đắk Lắk) nhiều lần đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn chị T nhưng không đến Tòa để thể hiện thiện chí đoàn tụ, trong quá trình giải quyết vụ án chị T có đơn trình bày đồng ý yêu cầu ly hôn của anh H. Xét thấy, hôn nhân giữa anh H và chị T mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, cho anh H được ly hôn chị T.

[3]Về con chung: Anh Nguyễn Lê H và chị Trần Thị Huyền T có một con chung tên Nguyễn Trần Hải Đ, sinh ngày 10/6/2021. Ly hôn, anh H và chị T thống nhất giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục. Xét sự thỏa thuận nêu trên của các đương sự là tự nguyện và phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận, giao cháu Đ cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án chị T trình bày không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, tại phiên tòa anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ, thời hạn cấp dưỡng nuôi con từ tháng 9/2025 nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng của anh H.

[4] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Lê H và chị Trần Thị Huyền T không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Lê H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí HNGĐ-ST và 300.000đ án phí DSST *(phần cấp dưỡng nuôi con)*.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn, cho anh Nguyễn Lê H được ly hôn với chị Trần Thị Huyền T.

Về con chung: Anh Nguyễn Lê H và chị Trần Thị Huyền T thống nhất giao con chung Nguyễn Trần Hải Đ, sinh ngày 10/6/2021 cho chị Trần Thị Huyền T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Lê H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Trần Hải Đ mỗi tháng 2.000.000đ *(Hai triệu đồng),* thời hạn cấp dưỡng từ tháng 9/2025 cho đến khi phát sinh một trong các trường hợp quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân gia đình.

Về tài sản chung: Anh Nguyễn Lê H và chị Trần Thị Huyền T, không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Anh Nguyễn Lê H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí HNGĐ-ST và 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí DSST *(Phần cấp dưỡng nuôi con)*.

Được khấu trừ số tiền anh H đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004709 ngày 11/6/2024 của cơ quan Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực A- Đắk Lắk). Do đó, anh H còn phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 13- Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 13- Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- UBND phường Tuy Hòa;
(Số 51/2016 ngày 08/4/2016)
- Lưu hồ sơ. **Lê Thị Thúy Sơn**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA